TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2019/HC-PT
Ngày 12 - 6 - 2019
V/v "Khiếu kiện quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 35/2019/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6093/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lục Thị A; địa chỉ cư trú: Thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn A1, Luật sư Công ty Luật TNHH A1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H.

Chủ tịch UBND huyện Y có văn bản số 390/UBND ngày 03/5/2019 đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông B - Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Y, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nông Văn C; địa chỉ cư trú: Thôn Vỹ Hạ, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh H - vắng mặt.

2. Anh Nông Văn C1 - vắng mặt;

3. Chị Nông Thị C3 - vắng mặt;

4. Chị Nông Thị C4- vắng mặt;

5. Anh Nông Văn C5 - vắng mặt;

6. Chị Lường Thị C6 - vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-3-2018, các đơn khởi kiện bổ sung và các bản khai, bà Lục Thị A và anh Nông Văn C trình bày:

Ngày 12-12-2017, Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H ban hành Quyết định số 6082/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc C, kết hợp tăng cường mặt đường Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn huyện Y, tỉnh H viết tắt là Quyết định số 6082/QĐ-UBND ngày 12-12-2017). Theo Quyết định số 6082/QĐ-UBND ngày 12-12-2017, gia đình bà Lục Thị A bị thu hồi 02 thửa đất, trong đó có thửa đất số 03, tờ bản đồ trích đo địa chính số TĐ-04, diện tích 1.181,6m^2, loại đất là đất trồng rừng sản xuất, ký hiệu RSX (viết tắt là thửa đất số 03);

Cùng ngày 12-12-2017, Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H ban hành Quyết định số 6083/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc C, kết hợp tăng cường mặt đường Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn huyện Y, tỉnh H viết tắt là Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12-12-2017). Thửa đất số 03 của gia đình bà Lục Thị A được xác định thuộc khu vực I, đơn giá bồi thường 9.000 đồng/m^2; mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm bằng 03 lần đơn giá bồi thường về đất.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất, người khởi kiện trình bày: Thửa đất số 03 do bố mẹ chồng của bà Lục Thị A khai phá, sử dụng. Năm 1985, vợ chồng bà Lục Thị A ra ở riêng, được chia thửa đất rộng khoảng 0,6ha. Sau khi được chia đất, bà Lục Thị A sử dụng thửa đất để trồng sắn; năm 1998 trồng vải thiều; khoảng năm 2010, gia đình bà Lục Thị A chuyển sang trồng cây bạch đàn. Quá trình sử dụng đất, gia đình bà Lục Thị A chưa kê khai đăng ký, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Tại Biên bản kiểm kê đất đai, cây cối, hoa màu lập ngày 27-10-2017 thể hiện trên thửa đất số 03 có 415 cây bạch đàn, đường kính gốc 11cm.

Người khởi kiện hoàn toàn nhất trí với Quyết định số 6082/QĐ-UBND ngày 12-12-2017 về việc thu hồi thửa đất số 03 để thực hiện dự án xây dựng

đường cao tốc C; nhất trí về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12-12-2017 và nhất trí với kết quả đo đạc, kiểm kê đất đai trên thửa đất số 03 thể hiện tại Biên bản kiểm kê đất đai, cây cối, hoa màu ngày 27-10-2017.

Tuy nhiên, bà Lục Thị A và anh Nông Văn C cho rằng thửa đất số 03 là đất trồng cây lâu năm thuộc khu vực I, giá bồi thường về đất và khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm phải được tính theo Bảng 2, Bảng giá đất trồng cây lâu năm ban hành kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh H. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện Y lại bồi thường về đất và tính khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc theo Bảng 3, Bảng giá đất rừng sản xuất là không đúng quy định. Do đó, bà Lục Thị A khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12-12-2017, phần phê duyệt phương án bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm liên quan đến thửa đất số 03; buộc Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm liên quan đến việc thu hồi thửa đất số 03 theo giá đất trồng cây lâu năm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh H, với giá 47.000 đồng/m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía người khởi kiện, gồm anh Nông Văn C, anh Nông Văn C1, anh Nông Văn C2, chị Lường Thị C3, chị Nông Thị 4, chị Nông Thị c5 có văn bản ghi ý kiến thể hiện nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị A; anh Nông Văn C1 xác định mặc dù là người ký Biên bản kiểm kê đất đai, cây cối, hoa màu ngày 27-10-2017, nhưng anh Nông Văn C1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại Công văn số 694/UBND-TTPTQĐ ngày 01-8-2018, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Y trình bày: Thửa đất số 03 của gia đình bà Lục Thị A là một phần thửa đất số 1735, tổng diện tích 4.396m^2, tờ bản đồ số 1, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã X đo đạc năm 2011, loại đất có rừng trồng sản xuất, ký hiệu RST. Tại Sổ mục kê kèm theo Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp, thửa đất số 1735 do anh Nông Văn C1 đứng tên chủ sử dụng đất; quá trình sử dụng đất, gia đình bà Lục Thị A chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12-12-2017 đúng trình tự, thể thức trình bày, đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013; xác định đúng loại đất để tính bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ; thực hiện đúng cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-

2014 của Chính phủ, Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H; Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 18-02-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc phê duyệt giá đất cụ thể dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc C, đoạn thuộc địa bàn xã X, huyện Y; khoản 1 Điều 13 Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14-02-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh H quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị A.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 17/HC-ST ngày 05-11-2018, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 11; điểm a khoản 2 Điều 66; khoản 1, 2, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Căn cứ vào mục 1.2 khoản 1 Điều 1 Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 18-02-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh H; khoản 2 Điều 3 Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H và Phụ lục tổng hợp tiêu thức phân vùng khu vực các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh H ban hành kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh H; khoản 1 Điều 13 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H, ban hành kèm theo Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14-02-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu khởi kiện

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị A về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12-12-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc C, kết hợp tăng cường mặt đường Quốc lộ 1 theo hình thức hợp đồng BOT đoạn qua địa bàn huyện Y, tỉnh H phần phê duyệt phương án bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi thửa đất số 03, tờ bản đồ trích đo địa chính số TĐ-04, diện tích 1.181,6m^2 của bà Lục Thị A;

Bác yêu cầu của bà Lục Thị A về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc

làm đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ trích đo địa chính số TĐ-04, diện tích 1.181,6m^2 theo giá đất trồng cây lâu năm.

2. Về án phí sơ thẩm

Bà Lục Thị A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm để sung quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000522 ngày 06-7-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H. Bà Lục Thị A đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Ngày 16-11-2018, bà Lục Thị A có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lục Thị A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là luật sư Nguyễn A1 giữ nguyên kháng cáo, trình bày: Nguồn gốc đất do gia đình khai hoang, sử dụng trồng cây lâu năm ổn định không có tranh chấp, không phải do được giao rừng hay thực tế trồng rừng như UBND huyện xác định. UBND huyện Y tùy tiện phân loại đất không đúng các quy định của pháp luật về quy trình phân loại đất, không dựa vào căn cứ xác định rừng quy định tại khoản 4 Điều 3, Điều 63 Luật bảo vệ rừng; Thông tư 28/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn trồng rừng; khoản 9 Điều 2, luật Lâm nghiệp 2017. Do đó, UBND huyện Y xác định không đúng loại đất thu hồi nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Lục Thị A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Khu vực thu hồi là đồi, nằm độc lập ngoài khu dân cư. Gia đình không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 11 Luật đất đai 2013 nên UBND huyện Y thu hồi đất thì có thẩm quyền phân loại đất và việc phân loại đất phải theo quy định của Luật đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Trên đất thu hồi có 415 cây bạch đàn, gia đình trồng thu hoạch lấy gỗ thành phẩm bán, nên theo quy định được xếp loại đất trồng rừng. Luật sư của bà A căn cứ tiêu chuẩn xếp loại rừng của Luật lâm nghiệp, Luật bảo vệ phát triển rừng để cho rằng không phải đất rừng, là không đúng. Khi thực hiện quy trình thu hồi đất, gia đình cũng đã ký xác nhận vào các biên bản trong đó đất thu hồi là đất rừng sản xuất; đã tự nguyện bàn giao đất, nhận tiền bồi thường. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lục Thị A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung: Gia đình bà Lục Thị A không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Khi vực này đã thuộc bản đồ lâm nghiệp quy hoạch trong rừng năm 2010. Hiện trạng sử dụng trồng bạch đàn lấy gỗ, là đất rừng sản xuất, gia đình ký xác nhận các biên bản kiểm đếm đo đạc. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không xuất trình được giấy tờ gì về quyền sử dụng đất có ghi là đất trồng

cây lâu năm. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Lục Thị A, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 21/3/2018, bà Lục Thị A có đơn khởi kiện đối với *Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12-12-2017 của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư* phần phê duyệt đối với thửa đất số thửa đất số 03 thu hồi của hộ gia đình bà.

Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện về thẩm quyền, trình tự, tính hợp pháp có căn cứ về nội dung.

Sau khi xét xử sơ thẩm người khởi kiện đã có đơn kháng cáo trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 206, và khoản 2 Điều 209 Luật tố tụng hành chính, được chấp nhận xem xét kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Lục Thị A, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1]Nguồn gốc đất do bà A trình bày được cha mẹ chồng cho sử dụng, nhưng gia đình chưa được cấp GCNQSD đất, không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất.

Theo hồ sơ địa chính thì thửa đất số 03 của gia đình bà Lục Thị A bị thu hồi là một phần thửa đất số 1735, tờ bản đồ số 1, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã X, đo đạc năm 2010, được phê duyệt năm 2011; Sổ mục kê kèm theo Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp, thửa đất do anh Nông Văn C1 (con bà A) đứng tên chủ sử dụng, loại đất tại thời điểm thống kê là đất có rừng trồng sản xuất, ký hiệu RST.

[2.2] Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (sửa đổi tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) của Chính phủ quy định:

"*1. Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật đất đai thì loại đất được xác định như sau:*

a) Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng.

(...)

4.(...)Trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.".

Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định "*Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm được cấp GCQSD đất (...) hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền..*"

Ngày 27/10/2017, TTPTQĐ, UBND xã X, chủ đầu tư dự án và đại diện hộ gia đình bà Lục Thị A (là anh Nông Văn C1, con trai) đã tiến hành kiểm kê đất đai, cây cối, hoa màu trên đất thu hồi và ký biên bản xác nhận các thửa đất thu hồi của gia đình (bút lục 99), ngày 22/11/2017 ký xác nhận lại đúng hiện trạng. Theo biên bản này, trên thửa đất số 3 có 415 cây bạch đàn, thuộc loại cây lâm nghiệp, gỗ nhóm VI theo quy định tại Điều 5, Quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 10-4-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh H. Bà Lục Thị A cũng thừa nhận trước đây có trồng màu, trồng vải nhưng do đất xấu hiệu quả thấp từ năm 2010 chuyển sang trồng bạch đàn đến nay.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Y xác định thửa đất số 03 của gia đình bà Lục Thị A là đất rừng sản xuất là đúng các quy định nêu trên. Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Lục Thị A về việc áp dụng các quy định tiêu chuẩn xác định rừng để làm căn cứ xác định đất thu hồi không phải là đất rừng, là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12-12-2017, Ủy ban nhân dân huyện Y xác định thửa đất số 03 thuộc khu vực I và phê duyệt giá bồi thường về đất là 9.000 đồng/m^2; khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm là 27.000 đồng/m^2 đất bị thu hồi, tương đương 03 lần giá bồi thường về đất. Căn cứ mục 1.2 khoản 1 Điều 1 Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 18-02-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh H; điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H và Phụ lục tổng hợp tiêu thức phân vùng khu vực các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh H ban hành kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh H quy định về Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh H; khoản 1 Điều 13 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H, ban hành kèm theo Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14-02-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh H, Ủy ban nhân dân huyện Y xác định giá đền bù về đất và áp dụng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm đúng quy định.

Bản án sơ thẩm đã xác định UBND huyện Y phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi thửa đất số 03 là đúng loại đất, từ đó đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị A là đúng.

[3] Bà Lục Thị A kháng cáo nhưng không xuất trình thêm chứng cứ chứng minh UBND huyện Y phân loại đất sai nên không có cơ sở chấp nhận. Bà phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của bà Lục Thị A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lục Thị A phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng đã nộp tại biên lai số AA/2012/00438 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA**

Phan Thị Vân Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Dung	**Nguyễn Khắc Anh**	**Chu Lệ Hường**